

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22-6-2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Hồng Thanh.
2. Bà Phạm Tú Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1995; thường trú: Ấp A, xã An Thạnh T, huyện C, tỉnh S; địa chỉ liên lạc: Số 37/7 đường số 9, khu phố 5, phường L, thành phố Th, thành phố H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1987; Thường trú: 243, ấp Vinh B, xã Ngọc Th, huyện G, tỉnh Kiên G; tạm trú: Số 18/59 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện

G, tỉnh K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2013, ngày 21/3/2013. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh U còn thường xuyên đe dọa chém giết làm chị L luôn sống trong sợ hãi và không dám tiếp tục chung sống với anh U nên đã chuyển chỗ ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Minh L2, sinh ngày 17/11/2013 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/5/2017. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh U thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn U đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2022 và ngày 22/6/2022 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị L và anh U tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện G, tỉnh K và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 30, quyền số 01/2013, ngày 21/3/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh U còn thường xuyên đe dọa chém giết làm chị L luôn sống trong sợ hãi và không dám tiếp tục chung sống với anh U nên đã chuyển chỗ ở. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh U.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án chị L và anh U không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở là phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị L xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Anh U đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh U đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh U là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Minh L2, sinh ngày 17/11/2013 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/5/2017. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại bản tự khai cung cấp cho Tòa án cháu L2 có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Anh U được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập và có mong muốn nuôi con. Vì vậy, chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L đối với anh Nguyễn Văn U về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn U. (Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện G, tỉnh K cấp ngày 21/3/2013).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Minh L2, sinh ngày 17/11/2013 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L và anh U đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh U lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003571, ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp pháp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**